

# CHƯƠNG 5: VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC VÀ PHÁP LUẬT TRONG TMĐT

---

# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

Luật giao dịch điện tử

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

Luật an ninh mạng

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

Nghị định 124/2015/NĐ-CP

# Giới thiệu

---

Những vấn đề đạo đức trong TMĐT liên quan đến luật pháp được phân loại

- Quyền sở hữu trí tuệ
- Quyền riêng tư
- Tự do ngôn luận vs kiểm duyệt
- Các phương pháp chống gian lận

# Nội dung

---

Giới thiệu

**Luật mẫu**

Luật giao dịch điện tử

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

Luật an ninh mạng

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

Nghị định 124/2015/NĐ-CP

# Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL

---

Năm 1996: UNCITRAL đã soạn thảo một Luật mẫu về TMĐT:

- Hình thành những quy định mẫu về thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu
- Có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho các nước trong quá trình xây dựng pháp luật về TMĐT

## 6 Nguyên tắc Luật mẫu về TMĐT của UNCITRAL

---

1. Tương đương thuộc tính
2. Tự do thoả thuận hợp đồng
3. Tôn trọng việc sử dụng tự nguyện phương thức truyền thông điện tử;
4. Giá trị pháp lý của hợp đồng và tính ưu việt của những quy định pháp lý về hình thức hợp đồng
5. Áp dụng về mặt hình thức hơn là quan tâm tới nội dung
6. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng phải đi trước.

# Cấu trúc luật mẫu

---

Luật mẫu được chia làm hai phần với 17 điều khoản:

- **Phần I** là những vấn đề chung của thương mại điện tử, bao gồm 15 điều, được phân bổ trong 3 chương.
- **Chương I gồm 4 điều** đưa ra các điều khoản chung như đưa ra các lĩnh vực ứng dụng, các định nghĩa về thương mại điện tử, cũng như việc áp dụng theo từng hợp đồng cụ thể.
- **Chương II gồm 6 điều** về việc áp dụng các quy định luật pháp đối với thông điệp dữ liệu.
  - Trong đó, Điều 5 là công nhận pháp lý đối với các thông điệp dữ liệu.
- **Chương III gồm 5 điều** đề cập tới việc trao đổi các thông điệp dữ liệu.

# Cấu trúc luật mẫu

---

- **Phần II** nói về thương mại điện tử trong từng lĩnh vực cụ thể gồm
  - 2 điều liên quan tới việc chuyên chở hàng hóa.
  - Điều 16 qui định các hành vi liên quan đến hợp đồng vận tải hàng hoá.
  - Điều 17 liên quan tới các chứng từ vận chuyển hàng hoá.



# TMĐT: giá trị pháp lý cần quan tâm trước

- Thừa nhận các thông điệp dữ liệu
- Quy định kỹ thuật về chữ ký điện tử
- Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ
- Bảo vệ người tiêu dùng
- Tội phạm và vi phạm trong TMĐT

# Bài tập nhóm

---

**Câu 1:** Công ty B đã đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cho sản phẩm X đang được bán trên thị trường. Nhưng hiện nay trên mạng đã có loại sản phẩm tương tự từ mẫu mã, đến tên nhãn hiệu được bán bởi một công ty khác ở nước ngoài.

- Nếu một công ty C nhập sản phẩm tương tự với sản phẩm X từ công ty nước ngoài về tiêu thụ trong nước, công ty C **vi phạm Luật nào?**
- Hãy cho biết vi **phạm điều nào** của Luật đó? Công ty C sẽ **bị xử lý như thế nào** theo điều nào trong luật?

# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

**Luật giao dịch điện tử**

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

Luật an ninh mạng

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

Nghị định 124/2015/NĐ-CP

# Luật Giao dịch điện tử

---

## 8 chương, 54 điều

- Chương II - Thông điệp dữ liệu
- Chương III - Chữ ký điện tử và chứng thực chữ ký điện tử
- Chương IV - Giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử
- Chương V - Giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước
- Chương VI - An ninh, an toàn, bảo vệ, bảo mật trong giao dịch điện tử
- Chương VII - Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm
- Chương VIII - Điều khoản thi hành

# Chương I -NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

---

Điều 1. *Phạm vi điều chỉnh*

Điều 2. *Đối tượng áp dụng*

Điều 3. *Áp dụng Luật giao dịch điện tử*

Điều 4. *Giải thích từ ngữ*

Điều 5. *Nguyên tắc chung tiến hành giao dịch điện tử*

Điều 6. *Chính sách phát triển và ứng dụng giao dịch điện tử*

Điều 7. *Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử*

Điều 8. *Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động giao dịch điện tử*

Điều 9. *Các hành vi bị nghiêm cấm trong giao dịch điện tử*

## **Chương II - THÔNG ĐIỆN DỮ LIỆU**

---

### **Mục 1 - GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA THÔNG ĐIỆN DỮ LIỆU**

Điều 10. *Hình thức thể hiện thông điệp dữ liệu*

Điều 11. *Giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu*

Điều 12. *Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản*

Điều 13. *Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc*

Điều 14. *Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ*

Điều 15. *Lưu trữ thông điệp dữ liệu*

### **Mục 2 - GỬI, NHẬN THÔNG ĐIỆN DỮ LIỆU**

Điều 16. *Người khởi tạo thông điệp dữ liệu*

Điều 17. *Thời điểm, địa điểm gửi thông điệp dữ liệu*

Điều 18. *Nhận thông điệp dữ liệu*

Điều 19. *Thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu*

Điều 20. *Gửi, nhận tự động thông điệp dữ liệu*

# Chương III - CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

---

## Mục 1 - GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ

Điều 21. *Chữ ký điện tử*

Điều 22. *Điều kiện để bảo đảm an toàn cho chữ ký điện tử*

Điều 23. *Nguyên tắc sử dụng chữ ký điện tử*

Điều 24. *Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử*

Điều 25. *Nghĩa vụ của người ký chữ ký điện tử*

Điều 26. *Nghĩa vụ của bên chấp nhận chữ ký điện tử*

Điều 27. *Thừa nhận chữ ký điện tử và chứng thư điện tử nước ngoài*

# **Chương III - CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

---

## **Mục 2 - DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

Điều 28. *Hoạt động dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử*

Điều 29. *Nội dung của chứng thư điện tử*

Điều 30. *Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử*

Điều 31. *Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử*

## **Mục 3 - QUẢN LÝ DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ**

Điều 32. *Các điều kiện để được cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử*



## **Chương IV - GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ**

---

Điều 33. *Hợp đồng điện tử*

Điều 34. *Thừa nhận giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử*

Điều 35. *Nguyên tắc giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử*

Điều 36. *Giao kết hợp đồng điện tử*

Điều 37. *Việc nhận, gửi, thời điểm, địa điểm nhận, gửi thông điệp dữ liệu trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử*

Điều 38. *Giá trị pháp lý của thông báo trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử*

## **Chương V - GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

---

*Điều 39. Các loại hình giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước*

*Điều 40. Nguyên tắc tiến hành giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước*

*Điều 41. Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước*

*Điều 42. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong trường hợp hệ thống thông tin điện tử bị lỗi*

*Điều 43. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giao dịch điện tử với cơ quan nhà nước*

## **Chương VI - AN NINH, AN TOÀN, BẢO VỆ, BẢO MẬT TRONG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**

---

Điều 44. *Bảo đảm an ninh, an toàn trong giao dịch điện tử*

Điều 45. *Bảo vệ thông điệp dữ liệu*

Điều 46. *Bảo mật thông tin trong giao dịch điện tử*

Điều 47. *Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ mạng*

Điều 48. *Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*

Điều 49. *Quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*

## **Chương VII -GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

---

Điều 50. *Xử lý vi phạm pháp luật về giao dịch điện tử*

Điều 51. *Tranh chấp trong giao dịch điện tử*

Điều 52. *Giải quyết tranh chấp trong giao dịch điện tử*

## Chương VIII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

---

Điều 53. *Hiệu lực thi hành*

Điều 54. *Hướng dẫn thi hành*

# Luật Giao dịch điện tử

---

## **Điều 1. *Phạm vi điều chỉnh***

Luật này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác do pháp luật quy định.

Các quy định của Luật này không áp dụng đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các bất động sản khác, văn bản về thừa kế, giấy đăng ký kết hôn, quyết định ly hôn, giấy khai sinh, giấy khai tử, hồi phiếu và các giấy tờ có giá khác

# Luật Giao dịch điện tử

---

## ***Điều 2. Đối tượng áp dụng***

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn giao dịch bằng phương tiện điện tử.

## ***Điều 3. Áp dụng Luật giao dịch điện tử***

Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật giao dịch điện tử với quy định của luật khác về cùng một vấn đề liên quan đến giao dịch điện tử thì áp dụng quy định của Luật giao dịch điện tử

# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

Luật giao dịch điện tử

**Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT**

Luật an ninh mạng

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

Nghị định 124/2015/NĐ-CP



# Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

---

## Sở hữu trí tuệ

- đề cập đến tài sản bắt nguồn từ công việc sáng tạo của một cá nhân
  - tác phẩm văn học, nghệ thuật, .
- có thể được xem như quyền sở hữu tài sản vô hình
  - phát minh, ý tưởng và công việc sáng tạo.
- là một khái niệm pháp lý được bảo vệ bởi các bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và luật bí mật thương mại (được gọi là Luật sở hữu trí tuệ).

# Luật sở hữu trí tuệ

---

Luật sở hữu trí tuệ đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật sở hữu trí tuệ

- Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11
- *đã được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009*

# Luật sở hữu trí tuệ

---

Luật sở hữu trí tuệ gồm

- 18 chương
- 222 điều

# Luật sở hữu trí tuệ

---

## **Phần thứ nhất** những quy định chung

- 12 điều

## **Phần thứ hai** quyền tác giả và quyền liên quan

- 6 chương: 1 → 6
- 45 điều: 13 → 57

## **Phần thứ ba** quyền sở hữu công nghiệp

- 5 chương: 7 → 11
- 99 điều: 58 → 156

## **Phần thứ tư** quyền đối với giống cây trồng

4 chương: 12 → 15

41 điều: 157 → 197

## **Phần thứ năm** bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

3 chương: 16 → 18

22 điều: 198 → 219

## **Phần thứ sáu** điều khoản thi hành

3 điều: 220 → 222

# Luật sở hữu trí tuệ

---

## **Phần thứ hai** quyền tác giả và quyền liên quan

- Chương I điều kiện bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan
- Chương II nội dung, giới hạn quyền, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan
- Chương III chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan
- Chương IV chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan
- Chương V chứng nhận đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan
- Chương VI tổ chức đại diện, tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan

# Luật sở hữu trí tuệ

---

## **Phần thứ ba** quyền sở hữu công nghiệp

- Chương VII điều kiện bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp
- Chương VIII xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý
- Chương IX chủ sở hữu, nội dung và giới hạn quyền sở hữu công nghiệp
- Chương X chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp
- Chương XI đại diện sở hữu công nghiệp

# Luật sở hữu trí tuệ

---

## **Phần thứ tư** quyền đối với giống cây trồng

- Chương XII điều kiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng
- Chương XIII xác lập quyền đối với giống cây trồng
- Chương XIV nội dung và giới hạn quyền đối với giống cây trồng
- Chương XV chuyển giao quyền đối với giống cây trồng

# Luật sở hữu trí tuệ

---

## **Phần thứ năm** bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

- Chương XVI quy định chung về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- Chương XVII xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự
- Chương XVIII xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính và hình sự, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ



# Luật sở hữu trí tuệ

---

## Phần thứ nhất những quy định chung

- **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh
  - Luật này quy định về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và việc bảo hộ các quyền đó.
- **Điều 2.** Đối tượng áp dụng
  - Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

# Luật sở hữu trí tuệ

---

## Điều 3. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ

- 1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.
- 2. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.
- 3. Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

# Luật sở hữu trí tuệ

---

**Điều 4.** Giải thích từ ngữ

**Điều 5.** Áp dụng pháp luật

**Điều 6.** Căn cứ phát sinh, xác lập quyền sở hữu trí tuệ

**Điều 7.** Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ

**Điều 8.** Chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ

**Điều 9.** Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

**Điều 10.** Nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

**Điều 11.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

**Điều 12.** Phí, lệ phí về sở hữu trí tuệ

# Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật sở hữu trí tuệ

---

3 điều:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ
- Điều 2: Thay cụm từ “Bộ Văn hóa - Thông tin” bằng cụm từ “Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 11, điểm a khoản 2 Điều 50, khoản 4 Điều 51 của Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11.
- Điều 3
  - hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.
  - Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

Luật giao dịch điện tử

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

**Luật an ninh mạng**

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

Nghị định 124/2015/NĐ-CP

# LUẬT AN NINH MẠNG

---

Chương I - Những quy định chung

Chương II - Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Chương III - Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng

Chương IV - Hoạt động bảo vệ an ninh mạng

Chương V - Bảo đảm hoạt động bảo vệ an ninh mạng

Chương VI - Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

# Chương I - Những quy định chung

---

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng

Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng

Điều 5. Biện pháp bảo vệ an ninh mạng

Điều 6. Bảo vệ không gian mạng quốc gia

Điều 7. Hợp tác quốc tế về an ninh mạng

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng

Điều 9. Xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng

## **Chương II - BẢO VỆ AN NINH MẠNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THÔNG TIN QUAN TRỌNG VỀ AN NINH QUỐC GIA**

---

Điều 10. Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Điều 11. Thẩm định an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Điều 12. Đánh giá điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Điều 13. Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Điều 14. Giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Điều 15. Ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia



## **Chương III - PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM AN NINH MẠNG**

---

Điều 16. Phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế

Điều 17. Phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng

Điều 18. Phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

# **Chương III - PHÒNG NGỪA, XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM AN NINH MẠNG**

---

Điều 19. Phòng, chống tấn công mạng

Điều 20. Phòng, chống khủng bố mạng

Điều 21. Phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng

Điều 22. Đấu tranh bảo vệ an ninh mạng

## **Chương IV - HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ AN NINH MẠNG**

---

Điều 23. Triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương

Điều 24. Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Điều 25. Bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia, công kết nối mạng quốc tế

Điều 26. Bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng

Điều 27. Nghiên cứu, phát triển an ninh mạng

Điều 28. Nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng

Điều 29. Bảo vệ trẻ em trên không gian mạng

# **Chương V - BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ AN NINH MẠNG**

---

Điều 30. Lực lượng bảo vệ an ninh mạng

Điều 31. Bảo đảm nguồn nhân lực bảo vệ an ninh mạng

Điều 32. Tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng

Điều 33. Giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ an ninh mạng

Điều 34. Phổ biến kiến thức về an ninh mạng

Điều 35. Kinh phí bảo vệ an ninh mạng

# Chương VI - TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

---

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Công an

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

Điều 39. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng

Điều 42. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng

# **Chương VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

---

## **Điều 43. Hiệu lực thi hành**

# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

Luật giao dịch điện tử

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

Luật an ninh mạng

**Nghị định 174/2013/NĐ-CP**

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

Nghị định 124/2015/NĐ-CP

# Nghị định 174/2013/NĐ-CP

---

NGHỊ ĐỊNH Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện  
8 chương, 104 điều

## **Điều 102. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2014.



# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

Luật giao dịch điện tử

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

Luật an ninh mạng

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

**Nghị định 15/2020/NĐ-CP**

Luật về quyền riêng tư trong TMĐT

# Nghị định 15/2020/NĐ-CP

---

**NGHỊ ĐỊNH Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử**

## **Điều 122. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.
2. Bãi bỏ Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện và Điều 2 Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

# **Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG**

---

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

Điều 4. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

# **Nghị định 15/2020/NĐ-CP**

---

## **Chương II - Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

- Điều 5 → Điều 14

## **Chương III - Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông, internet, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

- 7 mục, 42 điều
- Điều 15 → Điều 56

## **Nghị định 15/2020/NĐ-CP**

---

### **Chương IV - Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả**

- 4 mục, 17 điều
- Điều 57 → điều 73

## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

### **Mục 1 - HÀNH VI VI PHẠM VỀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**Điều 74.** Vi phạm các quy định về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

**Điều 75.** Vi phạm các quy định về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

**Điều 76.** Vi phạm quy định về nhập khẩu, gia công tái chế, sửa chữa sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng thuộc Danh mục cấm nhập khẩu

**Điều 77.** Vi phạm quy định về bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và hỗ trợ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin

## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

### **Mục 2 - HÀNH VI VI PHẠM VỀ AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG**

**Điều 78.** Vi phạm các quy định về đảm bảo an toàn thông tin và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng

**Điều 79.** Vi phạm quy định về an toàn, an ninh trong giao dịch điện tử sử dụng chữ ký số, chứng thư số

**Điều 80.** Vi phạm quy định về cung cấp, sử dụng trái phép thông tin trên mạng

**Điều 81.** Vi phạm quy định về sử dụng mạng nhằm chiếm đoạt tài sản

**Điều 82.** Vi phạm quy định về quản lý gửi thông tin trên mạng

**Điều 83.** Vi phạm quy định về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý phần mềm độc hại

## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

**Điều 84.** Vi phạm quy định về thu thập, sử dụng thông tin cá nhân

**Điều 85.** Vi phạm quy định về cập nhật, sửa đổi và hủy bỏ thông tin cá nhân

**Điều 86.** Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn thông tin cá nhân trên mạng

**Điều 87.** Vi phạm quy định về biện pháp giám sát an toàn, bảo vệ hệ thống thông tin

**Điều 88.** Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

**Điều 89.** Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng cho hệ thống thông tin quan trọng quốc gia



## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

**Điều 90.** Vi phạm quy định về ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng

**Điều 91.** Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn tài nguyên viễn thông

**Điều 92.** Vi phạm quy định về kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng

**Điều 93.** Vi phạm quy định về nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng

## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

### **Mục 3 - HÀNH VI VI PHẠM VỀ CHỐNG THƯ RÁC, TIN NHẮN RÁC VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG**

**Điều 94.** Vi phạm quy định liên quan tới thư điện tử, tin nhắn cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ

**Điều 95.** Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn

**Điều 96.** Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

**Điều 97.** Vi phạm quy định về thu cước dịch vụ

## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

### **Mục 4 - HÀNH VI VI PHẠM VỀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG**

**Điều 98.** Vi phạm quy định về Giấy phép thiết lập mạng xã hội

**Điều 99.** Vi phạm quy định về trang thông tin điện tử

**Điều 100.** Vi phạm các quy định về trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp thiết lập mạng xã hội

**Điều 101.** Vi phạm các quy định về trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội

**Điều 102.** Vi phạm quy định về lưu trữ, cho thuê, truyền đưa, cung cấp, truy nhập, thu thập, xử lý, trao đổi và sử dụng thông tin

## **Chương V - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

**Điều 103.** Vi phạm quy định về giấy phép, giấy chứng nhận đăng ký, quyết định phê duyệt nội dung kịch bản trò chơi điện tử trên mạng

**Điều 104.** Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng

**Điều 105.** Vi phạm quy định về điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

**Điều 106.** Vi phạm quy định về người chơi

## **Chương VI - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

---

**Điều 107.** Vi phạm các quy định về điều kiện hoạt động

**Điều 108.** Vi phạm các quy định về quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng

**Điều 109.** Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số và chứng thư số

**Điều 110.** Vi phạm quy định về sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và chứng thư số

**Điều 111.** Vi phạm quy định về giấy phép sử dụng chứng thư số nước ngoài được chấp nhận tại Việt Nam

**Điều 112.** Vi phạm quy định về phí, lệ phí

# **Chương VII - HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT**

---

**Điều 113.** Vi phạm quy định về giải quyết tranh chấp, khiếu nại, bồi thường thiệt hại trong cung ứng dịch vụ

## **Chương VIII - THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

---

Điều 114. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra

Điều 115. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

Điều 116. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

Điều 117. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

Điều 118. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

Điều 119. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

Điều 120. Phân định thẩm quyền xử phạt

Điều 121. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

## **Chương IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

---

Điều 122. Hiệu lực thi hành

Điều 123. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 124. Trách nhiệm thi hành



# Nội dung

---

Giới thiệu

Luật mẫu

Luật giao dịch điện tử

Luật sở hữu trí tuệ và bản quyền trong TMĐT

Luật an ninh mạng

Nghị định 174/2013/NĐ-CP

Nghị định 15/2020/NĐ-CP

**Nghị định 124/2015/NĐ-CP**

# Nghị định 124/2015/NĐ-CP

---

Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 185/2013/nđ-cp ngày 15 tháng 11 năm 2013 của chính phủ

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

# Nghị định 124/2015/NĐ-CP

---

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng**

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2016.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.